

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 26 tháng 9 năm 2020
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Giang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chi; Bà Nguyễn Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Hương - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 261/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2020/QĐXX-ST ngày 28 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hà Phương T – sinh năm 1984.

HKTT: C4, khu phố 2, phường Thọ Xương, thành phố B, tỉnh B.

Nơi công tác: Khoa Dược, Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh B – số 02, đường Nguyễn Danh Vọng, phường Trần Nguyên Hãn, thành phố B, tỉnh B.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn Th – sinh năm 1981

HKTT: C4, khu phố 2, phường Thọ Xương, thành phố B, tỉnh B.

Nơi công tác: Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn, Bệnh viện Đa khoa tỉnh B.

(Chị T có mặt, anh Th có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị Hà Phương T trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Ngày 16/6/2006, chị đăng ký kết hôn với anh Bùi Văn Th tại Ủy ban phường Thọ Xương, thành phố B, tỉnh B. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có trải qua thời gian tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi cưới, chị về làm dâu gia đình anh Th tại địa

chỉ khu phố 2, phường Thọ Xương, thành phố B, tỉnh B. Đến năm 2009, anh chị được cho ở riêng nhưng vẫn cùng thửa đất với bố mẹ chồng.

Vợ chồng chị chỉ chung sống được thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Hai vợ chồng thường xuyên xích mích, cãi cọ nhau. Vì thương con, chị cố gắng giữ gìn hạnh phúc gia đình nhưng anh Th ngày càng quá đáng, tỏ ra không tôn trọng chị. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Gia đình hai bên đã hòa giải, động viên nhưng không có kết quả. Chị và anh Th vẫn ở chung một nhà nhưng đã ly thân được 3 tháng. Nay xét thấy không còn tình cảm vợ chồng, chị yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Văn Th.

Về con chung: Chị và anh Bùi Văn Th có hai con chung là Bùi Văn D, sinh ngày 28/9/2006 và Bùi Gia L, sinh ngày 19/6/2014. Hiện nay, hai con vẫn đang ở cùng vợ chồng chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cháu thứ hai là Bùi Gia L vì cháu còn quá nhỏ, lại là con gái, rất cần sự quan tâm, chăm sóc của mẹ. Con chung Bùi Văn D đã lớn, có thể tự lo cho bản thân nên chị yên tâm để cháu ở với anh Th. Về cấp dưỡng nuôi con, chị và anh Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện chị đang làm tại Khoa Dược – Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh B, thu nhập bình quân hàng tháng là 6.000.000 đồng. Chị đủ điều kiện để lo chỗ ở khác và nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Tôi và anh Th không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.”

Tại “Đơn phản tố ly hôn” ngày 21/7/2020 và các lời khai tiếp theo, bị đơn là ông Lê Văn Luyện trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Ông trình bày thống nhất với bà Hiên về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn và quá trình chung sống. Ông Hiên cho rằng quá trình chung sống vợ chồng không tránh khỏi những mâu thuẫn nhỏ nhặt. Tháng 11 năm 2019, việc làm ăn của ông không gặp thuận lợi như mong muốn, kinh tế gia đình gặp khó khăn, hai vợ chồng có cãi nhau. Bà Hiên giận dỗi bỏ về nhà bố mẹ đẻ, mang theo cháu thứ hai Lê Tùng Lâm. Hai vợ chồng ly thân từ tháng 11 năm 2019 đến nay, ông đã nhiều lần đến nói chuyện với bà Hiên và bố mẹ đẻ của bà Hiên, khuyên bà Hiên đoàn tụ gia đình để nuôi dạy con khôn lớn nhưng bà Hiên không nhất trí. Ông xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng không đến mức trầm trọng nên đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng ông đoàn tụ, không nhất trí ly hôn bà Hiên.

Về con chung: Ông trình bày thống nhất với bà Hiên về số con chung, họ tên con chung. Hiện nay cháu Huyền đang ở với ông, cháu Lâm đang ở với bà Hiên. Ông có

nguyện vọng hai vợ chồng đoàn tụ để nuôi các con khôn lớn. Trường hợp phải ly hôn, ông yêu cầu nuôi cháu Lê Tùng Lâm; đồng ý để bà Hiền nuôi cháu Huyền vì con trai phải theo bố để nối dõi tông đường. Cấp dưỡng nuôi con ông và bà Hiền tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông là lao động tự do, thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 7.000.000 đồng nhưng không có chứng cứ chứng minh thu nhập.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về tài sản chung.

Về công nợ chung: Ông và bà Hiền không có khoản vay nào chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.”

Tại Biên bản làm việc ngày 29/7/2020, cụ Lương Thị Yếu (mẹ đẻ ông Luyện) cung cấp: Ông Luyện và bà Hiền kết hôn năm 2005. Sau khi kết hôn, bà Hiền về làm dâu gia đình cụ. Thời gian đầu, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Quá trình chung sống sau này có phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hay cãi cọ, ông Luyện nói một thì bà Hiền cãi 10. Mâu thuẫn hai vợ chồng ông Hiền trở nên trầm trọng vào tháng 11 năm 2019: khi ăn con, bà Hiền cãi ông Luyện nhiều quá thì ông Luyện có ném cái chén xuống bàn, cái chén vỡ bắn lên xước môi bà Hiền một chút. Bà Hiền mang con trai bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ đó đến nay. Gia đình cụ cũng đến động viên nhiều lần nhưng bà Hiền không đồng ý đoàn tụ. Vợ chồng ông Luyện có hai con chung là Lê Th Huyền và Lê Tùng Lâm. Cháu Lâm đang ở với mẹ, cháu Huyền đang ở với bố.

Tại Biên bản xác minh ngày 29/7/2020, Tổ trưởng tổ dân phố Mai Độ cung cấp: Bà Hiền và ông Luyện kết hôn từ năm 2005. Quá trình chung sống tại địa phương vợ chồng bà Hiền không có vấn đề gì. Tuy nhiên, tháng 11 năm 2019, vợ chồng bà Hiền có xảy ra mâu thuẫn, xích mích, to tiếng với nhau nên bà Hiền đưa con nhỏ về gia đình bố mẹ đẻ. Bà Hiền và ông Luyện ly thân từ đó đến nay. Bà Hiền và ông Luyện có hai con chung là cháu Huyền và cháu Lâm. Hiện cháu Huyền đang ở với bố, cháu Lâm đang ở với mẹ. Ông Luyện và bà Hiền đều là lao động tự do nên địa phương không rõ mức thu nhập.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 27/7/2020, cháu Lê Th Huyền và Lê Tùng Lâm là con chung của bà Hiền, ông Luyện đều có nguyện vọng được ở với mẹ.

Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng bà Hiền cương quyết ly hôn nên không hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay:

Bà Hiền giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và quan điểm đã trình bày.

Ông Luyện trình bày: Ông và gia đình đã cố gắng động viên bà Hiền đoàn tụ nhưng không có kết quả, ông nhất trí ly hôn với bà Hiền. Sau khi ly hôn, ông yêu cầu

được nuôi con trai Lê Tùng Lâm, đồng ý để bà Hiền nuôi con gái Lê Th Huyền vì con trai dễ gần gũi với bố hơn. Về tài sản chung và công nợ chung, ông không có yêu cầu gì.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự. Bị đơn còn vắng mặt tại phiên hòa giải ngày 10/8/2020 không lý do.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Hiền và ông Lê Văn Luyện.

+ Về con chung: Giao bà Hiền nuôi con chung Lê Tùng Lâm, sinh ngày 08/4/2009; giao ông Luyện nuôi con chung Lê Th Huyền, sinh ngày 11/9/2006. Cấp dưỡng nuôi con không xem xét, giải quyết do các đương sự không có yêu cầu.

+ Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị Hiền do thuộc hộ cận nghèo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Hiền yêu cầu ly hôn ông Lê Văn Luyện có hộ khẩu thường trú tại phường Đa Mai, thành phố B, tỉnh B. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý, giải quyết là đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hiền và ông Luyện đăng ký kết hôn tại UBND phường Đa Mai ngày 20/10/2005, đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Tại thời điểm kết hôn, hai bên có đủ điều kiện kết hôn, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm nên đây là hôn nhân hợp pháp. Bà Hiền và ông Luyện đều xác định giữa hai vợ chồng có mâu thuẫn, xích mích. Sau khi cãi nhau vào tháng 11 năm 2019, bà Luyện bỏ về nhà bố, mẹ đẻ; hai vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không quan hệ gì về tình cảm và kinh tế. Gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Tại phiên tòa, ông Luyện nhất trí ly hôn bà Hiền. Do vậy, cần công nhận việc thuận

tình ly hôn giữa bà Hiền và ông Luyện theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà Hiền và ông Luyện đều xác nhận có hai con chung là Lê Th Huyền, sinh ngày 11/9/2006 và Lê Tùng Lâm, sinh ngày 8/4/2009. Hiền nay cháu Huyền đang ở với ông Luyện, cháu Lâm đang ở với bà Hiền. Ông Hiền và bà Luyện thuộc hộ cận nghèo, đều là lao động tự do, thu nhập mỗi người khoảng 7.000.000 đồng/1 tháng. Căn cứ vào điều kiện kinh tế của hai bên, để đảm bảo ổn định việc sinh hoạt, học tập và ổn định về tâm lý cho con chung, cần giao bà Hiền tiếp tục nuôi dưỡng con chung Lê Tùng Lâm, giao cho ông Luyện tiếp tục nuôi dưỡng con chung Lê Th Huyền là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con, các đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự đều xác định không có và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Hiền thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 và điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả bà Hiền số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Hiền và ông Lê Văn Luyện.

2. Về con chung: Giao bà Nguyễn Thị Hiền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Tùng Lâm, sinh ngày 8/4/2009; giao ông Lê Văn Luyện trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Th Huyền, sinh ngày 11/9/2006. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không xem xét, giải quyết do các đương sự không có yêu cầu.

Bà Hiền và ông Luyện có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của người con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi

con hoặc thay đổi mức đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hiền được miễn án phí ly hôn sơ thẩm. Hoàn trả bà Hiền số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số AA/2018/0001428 ngày 14/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. B;
- CCTHADS TP. B;
- TAND tỉnh B;
- UBND phường Đa Mai, thành phố B;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Hương Giang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương Giang